

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐÓP
TỈNH BÌNH PHƯỚC
Bản án số: 20/2018/HSST
Ngày: 11/4/2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐÓP TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông: Hoàng Ngọc Bân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông: Phạm Hùng Phong.

Bà: Điều Thị Hương – Nghề nghiệp: Giáo viên

- Thư ký phiên tòa:

Ông: Nông Văn Thắng – Thư ký Tòa án nhân

dân huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đốp tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh – Kiểm sát viên

Trong ngày 11 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 23/2018/HSST ngày 05 tháng 03 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2018/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 03 năm 2018; Đối với các bị cáo:

1. NGUYỄN THỊ THU T1 – Sinh năm: 1975; HKTT: ấp 4, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 03/12; con ông Nguyễn Trọng N, sinh năm: 1939 và bà Lý Thị N, sinh năm: 1941; bị cáo có 05 chị em (lớn nhất sinh năm 1973, nhỏ nhất sinh năm 1985; bản thân bị cáo là con thứ 02 trong gia đình); bị cáo có chồng tên Phạm Thanh H, sinh năm: 1975 và 03 người con, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo được tại ngoại để điều tra cho đến nay(*có mặt*).

2. LÊ VĂN T2 - Sinh năm: 10/6/2000; HKTT: ấp 3, xã H, huyện B, tỉnh Bình Phước; dân tộc: Mường; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: học sinh; trình độ văn hóa: 11/12; con ông Lê Văn P, sinh năm 1963 và bà Đinh Thị H, sinh năm: 1971; bị cáo có 01 người em sinh năm 2007; tiền sự: Không; tiền án: Tại Bản án số 35/2017/HSST ngày 06/7/2017, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước tuyên phạt 06(sáu) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 12(mười hai) tháng, kể từ ngày tuyên án(ngày 06/7/2017) về tội "Buôn bán hàng cấm"; bị cáo được tại ngoại để điều tra cho đến nay (*có mặt*).

- Người bào chữa của bị cáo T2: ông Đàm Văn Đức – Trợ giúp viên pháp lý của Trung Tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước chi nhánh Bù Đốp, tỉnh Bình Phước (*có mặt*).

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo T2: bà Đinh Thị H, sinh năm: 1971(mẹ ruột của bị cáo), địa chỉ: ấp 3, xã H, huyện B, tỉnh Bình Phước (*có mặt*).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: ông Phạm Thanh H, sinh năm 1975; địa chỉ: ấp 4, xã H, huyện B, tỉnh Bình Phước(*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do muốn có tiền để phục vụ cá nhân Nguyễn Thị Thu T1 và Lê Văn T2 đã bàn bạc thống nhất với nhau đi mua pháo nổ về bán lại kiếm lời, bằng cách đến khu vực Ngầm Cây Da thuộc biên giới giáp ranh Vương quốc Campuchia mua

pháo nổ của người Campuchia (không rõ họ tên lai lịch). Lần thứ nhất: Vào ngày 13/11/2017, T1 và T2 mua 2.400.000đồng được 15 bịch pháo nổ mang về nhà T1 cất giấu. Lần thứ hai: Vào thời gian từ ngày 15/11/2017 đến ngày 19/11/2017, T1 và T2 tiếp tục mua 25 bịch pháo nổ với giá 3.600.000đồng. Lần thứ ba: Vào ngày 21/11/2017, T1 và T2 mua 20 bịch pháo nổ với giá 3.200.000đồng về cất giấu. Đến khoảng 11 giờ 50 phút, có người gọi điện thoại cho T1 mua 30 bịch pháo nổ với giá 6.900.000đồng và hẹn địa điểm trước cổng Nông trường 5 Công ty cao su Lộc Ninh thuộc ấp 6, xã H, huyện B giao dịch. T1 điện thoại cho T2 đến nhà T1 dùng xe mô tô chở 30 bịch pháo nổ đến địa điểm đã hẹn giao cho người mua, khi T2 đang trên đường vận chuyển thì bị lực lượng chức năng bắt quả tang, đồng thời khám xét tại khu vực nhà T1 đã thu giữ 30 bịch pháo nổ. Tổng số pháo nổ là 27,2kg.

Tại bản kết luận giám định số 4030/C54B ngày 30/11/2017 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: 10 vật hình cầu vỏ bằng nhựa (dạng giống quả bóng đá) đường kính 2,7cm, gắn 01 đoạn dây (ngòi) màu xanh gửi giám định đều là pháo nổ. Khi đốt phát ra tiếng nổ lớn.

Cáo trạng số 13/Ctr-VKS ngày 03 tháng 03 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đốp truy tố bị cáo Nguyễn Thị Thu T1 và Lê Văn T2 về tội "Buôn bán hàng cấm" theo khoản 1 Điều 155 Bộ luật hình sự năm 1999(được sửa đổi bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đốp giữ quyền công tố Nhà nước tại phiên tòa, sau khi xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như trong nội dung bản cáo trạng đã truy tố và kết luận; đề nghị: Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Thu T1 và Lê Văn T2 phạm tội "Buôn bán hàng cấm";

+ Đối với bị cáo T1: Đề nghị HĐXX áp dụng theo khoản 1 Điều 155 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009); các điểm i; s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17; 65 của Bộ luật hình sự năm 2015(được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo T1 từ 09(chín) đến 12(mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi;

+ Đối với bị cáo T2: Đề nghị HĐXX áp dụng theo khoản 1 Điều 155 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009); các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17; 90; 91; 101; khoản 1 Điều 53; khoản 5 Điều 65; Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015(được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo T2 từ 08(tám) đến 12(mười hai) tháng tù; tổng hợp với hình phạt 06(sáu) tháng tù, cho hưởng án treo tại Bản án số 35/2017/HSST ngày 06/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02(hai) bản án.

+ Về vật chứng: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015(được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 xe mô tô hiệu Honda Wave RSX, màu đỏ đen, biển kiểm soát 93G1-095.14; 01 điện thoại di động, hiệu Nokia, loại 105, màu xanh đen của Lê Văn T2' 0.05kg pháo nổ.

Các bị cáo Nguyễn Thị Thu T1 và Lê Văn T2 thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố và kết luận là đúng.

Người bào chữa của bị cáo T2 là ông Đàm Văn Đức đồng ý với bản cáo trạng và bản luận tội của Viện kiểm sát đối với bị cáo T2. Ngoài những tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo T2 được hưởng như vị đại diện Viện kiểm sát đưa ra. Người bào chữa của bị cáo T2 còn đưa ra những tình tiết giảm nhẹ như: Bị cáo T2 có thành tích xuất sắc trong học tập;

bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015(được sửa đổi, bổ sung năm 2017), đề nghị HĐXX xem xét giảm xét hình phạt cho bị cáo T2.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo T2 là bà Đinh Thị H (mẹ ruột của bị cáo) đồng ý với lời bào chữa của ông Đàm Văn Đức, xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T2.

Các bị cáo không tham gia tranh luận, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện Bù Đốp, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đốp, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng; người bào chữa của bị cáo T2 không có khiếu nại. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Đối chiếu lời khai của các bị cáo, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là hoàn toàn phù hợp với nhau về thời gian, không gian, địa điểm xảy ra vụ án cũng như diễn biến hành vi phạm tội của các bị cáo và vật chứng của vụ án, HĐXX có đủ cơ sở khẳng định: Do muốn có tiền để phục vụ cá nhân Nguyễn Thị Thu T1 và Lê Văn T2 đã bàn bạc thống nhất với nhau đi mua pháo nổ về bán lại kiếm lời, bằng cách đến khu vực Ngâm Cây Da thuộc biên giới giáp ranh Vương quốc Campuchia mua pháo nổ của người Campuchia (không rõ họ tên lai lịch). Lần thứ nhất: Vào ngày 13/11/2017, T1 và T2 mua 2.400.000đồng được 15 bịch pháo nổ mang về nhà T1 cất giấu. Lần thứ hai: Vào thời gian từ ngày 15/11/2017 đến ngày 19/11/2017, T1 và T2 tiếp tục mua 25 bịch pháo nổ với giá 3.600.000đồng. Lần thứ ba: Vào ngày 21/11/2017, T1 và T2 mua 20 bịch pháo nổ với giá 3.200.000đồng về cất giấu. Đến khoảng 11 giờ 50 phút, có người gọi điện thoại cho T1 mua 30 bịch pháo nổ với giá 6.900.000đồng và hẹn địa điểm trước cổng Nông trường 5 Công ty cao su Lộc Ninh thuộc ấp 6, xã H, huyện B giao dịch. T1 điện thoại cho T2 đến nhà T1 dùng xe mô tô chở 30 bịch pháo nổ đến địa điểm đã hẹn giao cho người mua, khi T2 đang trên đường vận chuyển thì bị lực lượng chức năng bắt quả tang, đồng thời khám xét tại khu vực nhà T1 đã thu giữ 30 bịch pháo nổ. Tổng số pháo nổ là 27,2kg.

Tại bản kết luận giám định số 4030/C54B ngày 30/11/2017 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: 10 vật hình cầu vỏ bằng nhựa (dạng giống quả bóng đá) đường kính 2,7cm, gắn 01 đoạn dây (ngòi) màu xanh gửi giám định đều là pháo nổ. Khi đốt phát ra tiếng nổ lớn.

Pháo nổ là hàng hóa Nhà nước cấm kinh doanh được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 6 của Luật đầu tư năm 2014 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Nguyễn Thị Thu T1 và Lê Văn T2 nhận thức rõ hành vi mua bán pháo nổ là vi phạm pháp luật, nhưng vì muốn có tiền phục vụ nhu cầu cá nhân. T1 và T2 đã cố ý thực hiện tội phạm, chứng tỏ thái độ của T1 và T2 rất coi thường pháp luật.

Hành vi của Nguyễn Thị Thu T1 và Lê Văn T2 đã phạm vào tội "Buôn bán hàng cấm", hành vi phạm tội của các bị cáo thực hiện và bị khởi tố trước ngày 01/01/2018(ngày bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực thi hành). Căn cứ tinh thần Nghị Quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 về việc thi hành Bộ luật hình sự số

100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật tố tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13. Cần áp dụng khoản 1 Điều 155 của Bộ luật hình sự năm 1999(được sửa đổi, bổ sung năm 2009) để xét xử bị cáo như Cáo trạng số: 13/Ctr-VKS ngày 03 tháng 03 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đốp đã truy tố các bị cáo là đứng hành vi, đứng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước đối với hàng hóa mà Nhà nước cấm kinh doanh, gây mất trật tự trị an tại địa phương nơi xảy ra vụ án và các địa phương khác. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều cùng cố ý phạm tội, không có hành vi rủ rê lôi kéo, các bị cáo đều trực tiếp tham gia thực hiện tội phạm, nhưng T1 là người trực tiếp đứng ra mua bán, vai trò của T1 cao hơn T2. Xét tính chất mức độ hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra cần xử phạt các bị cáo mức án thật nghiêm tương ứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo, nhằm giáo dục cải tạo các bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cũng xét.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tại bản án số 35/2017/HSST ngày 06/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước đã xử phạt Lê Văn T2 06 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng, kể từ ngày tuyên án về tội "Buôn bán hàng cấm". Đến ngày 21/11/2017, bị cáo tiếp tục phạm tội thuộc trường hợp tái phạm được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999(được sửa đổi, bổ sung năm 2009) này là điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015(được sửa đổi, bổ sung năm 2017); đối với T1 khi cùng với T2 phạm tội, T1 không biết T2 chưa đủ 18 tuổi, đồng thời T2 đã chủ động cùng cố ý thực hiện tội phạm, không có đủ cơ sở chứng minh T1 có hành vi rủ rê, lôi kéo xúi giục người chưa thành niên phạm tội, không áp dụng tình tiết tăng nặng theo điểm o khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999(được sửa đổi bổ sung năm 2009) nay là điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015(được sửa đổi bổ sung năm 2017).

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; đối với bị cáo T1 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bản thân bị cáo là phụ nữ nuôi con nhỏ, là lao động chính trong gia đình, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn; đối với bị cáo T2 khi thực hiện hành vi phạm tội chưa đủ 18 tuổi, trong quá trình học tập có nhiều thành tích xuất sắc. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015(được sửa đổi, bổ sung năm 2017), cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để, thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước đối với người phạm tội.

[6] Về nhân thân: Bị cáo T1 chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo T2 có một tiền án: Tại bản án số 35/2017/HSST ngày 06/7/2017, bị cáo Lê Văn T2 bị Tòa án nhân dân huyện Bù Đốp xử phạt 06 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng, kể từ ngày tuyên án về tội "Buôn bán hàng cấm", đang trong thời gian thử thách của án treo bị cáo tiếp tục phạm tội. Cần phải chuyển hình phạt tù, cho hưởng bản án treo của bản án số 35/2017/HSST ngày 06/7/2017, tổng hợp với hình phạt tại bản án này, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án như Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đốp đã đề nghị là phù hợp với quy định tại 60 của Bộ luật hình sự năm 1999(được sửa đổi bổ sung năm 2009) nay Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015(được sửa đổi bổ sung năm 2017).

[7] Xét đề nghị mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát đối với các bị cáo là phù hợp với nhận định của HĐXX, bị cáo T1 có nơi cư trú rõ ràng chỉ cần giao bị cáo về địa phương nơi cư trú giám sát giáo dục cũng đủ cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung; bị

cáo T2 phạm tội trong thời gian thử thách của án treo, cần xử phạt bị cáo hình phạt tù để cải tạo, giáo dục bị cáo như Viện kiểm sát đã đề xuất là phù hợp, HĐXX chấp nhận.

[8] Trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét.

[9] Vật chứng:

+ 60 bịch pháo nổ, loại pháo banh lớn, có tổng trọng lượng 27,2kg, sau khi trích mẫu gửi đi giám định, trọng lượng còn lại là 27,05kg, Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Bù Đốp đã tiến hành xử lý bằng cách tiêu hủy, HĐXX không đề cập giải quyết.

+ 01 xe mô tô hiệu Honda Wave RSX, màu đỏ đen, biển kiểm soát 93G1-095.14, số máy JA31E-0047558, số khung RLHJA310XEY012859. Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đốp đề xuất tịch thu sung quỹ Nhà nước. Xét xe mô tô là tài sản hợp pháp của Phạm Thanh H, do ông H đứng tên chủ sở hữu. Mặc dù, trong quá trình điều tra lời khai của ông Phạm Thanh H thừa nhận đã thỏa thuận giao xe cho bị cáo T1 quản lý và sử dụng nhưng sự thỏa thuận giữa ông H và bị cáo T1 không lập thành văn bản, chỉ thỏa thuận miệng với nhau. Viện kiểm sát đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước là chưa phù hợp, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của ông H, cần trả lại xe mô tô trên cho ông H.

+ 01 điện thoại di động, hiệu Nokia, loại 105, màu xanh đen, tài sản của Lê Văn T2, sử dụng liên lạc với T1 để thực hiện hành vi phạm tội, xét tài sản còn giá trị sử dụng cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

+ 0,05kg pháo nổ còn lại sau giám định, xét đây là vật Nhà nước cấm lưu hành cần tịch thu tiêu hủy.

[10] Về án phí: Áp dụng Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Thị Thu T1; Lê Văn T2** phạm tội "Buôn bán hàng cấm"

- Áp dụng khoản 1 Điều 155 Bộ luật hình sự năm 1999(được sửa đổi, bổ sung năm 2009); các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt **Nguyễn Thị Thu T1 15(mười lăm) tháng tù**, cho hưởng án treo; thời gian thử thách 30(ba mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án(ngày 11/4/2017).

Giao bị cáo T1 về Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 155 Bộ luật hình sự năm 1999(được sửa đổi, bổ sung năm 2009); các điểm s; v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; khoản 1 Điều 53; các điều 90; 91; 101 của Bộ luật hình sự năm 2015(được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt **Lê Văn T2 07(bảy) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

Áp dụng khoản 5 Điều 65; Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tổng hợp với hình phạt 06(sáu) tháng tù, cho hưởng án treo về tội "Buôn bán hàng cấm" tại Bản án số 35/2017/HSST ngày 07/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước.

Buộc bị cáo T2 phải chấp hành hình phạt chung của hai Bản án là **13(mười ba) tháng tù**; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

[2] Vật chứng: Áp dụng Điều 47; 48 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Tuyên:

Tịch thu tiêu hủy: 0,05kg pháo nổ.

Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động, hiệu Nokia, loại 105, màu xanh của Lê Văn T2.

Trả lại một xe mô tô Wave RSX, màu đỏ, biển kiểm soát 93G1-095.14 cho ông Phạm Thanh H

[3] Án phí: Áp dụng Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đốp;
- THADS huyện Bù Đốp;
- CQCSĐT CA huyện Bù Đốp;
- CQ THAHS CA huyện Bù Đốp;
- UBND xã T; xã T2
- Bị cáo; Người bào chữa cho bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Hoàng Ngọc Bân